# BÀI 5: TRÌ GIỚI BA LA MẬT

## (Sīlapāramī)

## I. Ý NGHĨA CỦA GIỚI:

A. Giới (sīla) là gì?

Danh từ Sīla dịch là giới hạnh, đức hạnh, phẩm hạnh. Giới (Sīla) là sự cố ý (cetanā) gìn giữ giới luật cho được trong sạch, nghĩa là tác ý tránh xa các điều ác từ thân, khẩu, ý và thực hiện đầy đủ các phận sự cần phải hành. Giới là thu thúc theo giới luật, giữ cho thanh tịnh thân, khẩu, ý.

Có Pāḷi chú giải định nghĩa rằng:

Sīlayati kāyavacīkammāni sammādahatīti = Sīlaṃ: trạng thái nào làm cho thân nghiệp và khẩu nghiệp an trú vào thiện hạnh, trạng thái đó gọi là Trì Giới. Tức sở hữu tư (cetanā) là sự tác ý làm cho thân và khẩu an trú theo thiện pháp không cho bất thiện pháp sanh lên.

Trong bộ Paṭisambhidāmagga (Đạo Vô Ngại Giải) định nghĩa về Giới như sau:

- Cetanā sīlaṃ: Sự cố ý gọi là giới.
- Cetasikaṃ sīlaṃ: Tánh gọi là giới
- Saṃvaro sīlaṃ: Sự thu thúc gọi là giới.
- Avitikkamo sīlaṃ: Sự không vi phạm gọi là giới.

1. Sự cố ý gọi là giới (cetanāsīlaṃ)

Sự cố ý gọi là giới, nghĩa là sự cố từ bỏ, tránh xa thân ác hạnh (kāyaduccarita) và khẩu ác hạnh (vacīduccarita).

2. Tánh gọi là giới (cetasikaṃ sīlaṃ)

Tánh (cetasika) gọi là giới, tức là tánh giới phần, còn gọi là sở hữu ngăn trừ phần (viraticetasika). Sự kiêng cữ tránh xa những hành động ác của thân và khẩu gọi là Tánh giới. Tánh giới gồm có ba loại: Chánh ngữ (sammāvācā), Chánh nghiệp (sammākammanto), Chánh mạng (sammā-ājīvo). Ba sở hữu ngăn trừ phần

(viraticetasika) này được gọi là những chi đạo giới (sīlamaggaṅga). Chúng tạo thành học giới (sīlasikkhā), là nền tảng của 8 chi đạo.

Chánh ngữ (sammāvācā), chánh nghiệp (sammākammanto), chánh mạng (sammā-ājīvo) là ba sở hữu tâm (tâm sở) có đặc tánh là kiêng tránh, ngăn trừ thân ác hạnh (kāyaduccarita), khẩu ác hạnh (vacīduccarita), tránh xa cách sống tà-mạng (micchājīva) nên gọi chung là sở hữu ngăn trừ phần (viraticetasika).

a) Chánh ngữ (sammāvācā): là lời nói chân chánh, ngăn trừ khẩu ác hạnh, đó là tránh xa sự nói dối (musavādā), tránh xa lời nói đâm thọc - chia rẽ (pisuṇavācā), tránh xa lời nói độc ác (pharusavācā- ác ngữ) và tránh xa nói lời vô ích (samphappalāpa).
b) Chánh nghiệp (sammākammanta): là hành động chân chánh, ngăn trừ thân ác hạnh, đó là tránh xa sự sát sinh (Pāṇātipātā), tránh xa sự trộm cắp (Adinnādānā), tránh xa sự tà dâm (Kāmesu micchācārā).
c) Chánh mạng (sammāājīva): là sự nuôi mạng chân chánh, đó là tránh xa cách sống tà mạng do thân hành ác, khẩu hành ác.

3. Sự thu thúc gọi là giới (saṃvaro sīlaṃ):

Sự thu thúc gọi là giới, nghĩa là sự phòng hộ, chế ngự ngăn chặn ác bất thiện pháp không cho sanh khởi. Sự thu thúc (saṃvara) có 5 cách:

- Biệt giải thoát thu thúc (Pāṭimokkhasaṃvaro)
- Niệm thu thúc (Satisaṃvaro)
- Trí thu thúc (Ñāṇasaṃvaro)
- Nhẫn thu thúc (Khantisaṃvaro)
- Tinh tấn thu thúc (Viriyasaṃvaro)

a) Biệt giải thoát thu thúc (Pāṭimokkhasaṃvara) hay Thu thúc Giới Bổn pāṭimokkha (Ba-la-đề-mộc-xoa).

Là sự nghiêm trì, phòng hộ, gìn giữ các học giới trong Giới Bổn pāṭimokkha trong sạch, thanh tịnh. Đây cũng gọi là Giới thu thúc (Sīlasaṃvara).

b) Niệm thu thúc (Satisaṃvara) còn gọi là Quyền thu thúc giới (indriyasaṃvarasīla)

Là sự phòng hộ, chế ngự lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) bằng chánh niệm, ngăn trừ ác bất thiện pháp.

c) Trí thu thúc (Ñāṇasaṃvara)

Là sự phòng hộ, chế ngự bằng trí tuệ. Tức là trí tuệ quán xét khi thọ dụng bốn món vật dụng (paccayā) ngăn trừ ác bất thiện pháp.

d) Nhẫn thu thúc (Khantisaṃvara)

Là sự phòng hộ, chế ngự bằng sự nhẫn nại. Nhẫn nại đối với nghịch cảnh, sự phỉ báng, bịnh tật, thời tiết lạnh, nóng… ngăn trừ ác bất thiện pháp.

e) Tinh tấn thu thúc (Viriyasaṃvara):

Là sự phòng hộ, chế ngự bằng sự tinh tấn. Tức là tinh tấn duy trì thiện pháp và từ bỏ ác bất thiện pháp, và tinh tấn nuôi mạng thanh tịnh.

4. Sự không vi phạm gọi là giới (avitikkamo sīlaṃ):

Nghĩa là sự gìn giữ không vi phạm các điều học đã thọ trì.

B. Giới có ý nghĩa là gì?

Giới có ý nghĩa là sự kết hợp (Sīlana). Sự kết hợp có 2 nghĩa:

a) Giới có ý nghĩa là phối hợp (samādhāna), là chỉ sự không bất nhất trong ba nghiệp thân, khẩu và ý nhờ giới hạnh. Ý nghiệp thanh tịnh thì thân nghiệp và khẩu nghiệp cũng thanh tịnh.
b) Giới có ý nghĩa là nâng đỡ (upadhārana), nghĩa là giới là nền tảng (ādhāra) nâng đỡ những thiện pháp, hỗ trợ cho định, tuệ, đạo quả phát sanh.

Các vị giáo thọ sư giải thích ý nghĩa của giới như sau:

- Giới có ý nghĩa là cái đầu (sirattho), giới hạnh ví như mạng sống, một người không thể sống nếu mất cái đầu. Giới dẫn đầu, là nền tảng cho mọi thiện pháp được phát triển.
- Giới có ý nghĩa là sự mát mẻ (sītalattho), tức là giới làm thân tâm mát mẻ, không có nóng nảy do hối hận mặc cảm tội lỗi.
- Giới có ý nghĩa là sự an toàn (sīvattho) vì giới ngăn chặn ác nghiệp của thân khẩu, khiến cho người trì giới thấy an toàn, không lo sợ bị hậu quả.

Bốn Ý nghĩa của Giới:

Để hiểu rõ ý nghĩa của giới cần phải biết qua bốn khía cạnh:

- Trạng thái: là sự thu thúc thân khẩu (sīlanalakkhaṇaṃ)
- Phận sự: là diệt trừ ác giới (dussīlaviddhaṃsanaraso) hay ngăn chặn lỗi lầm.
- Sự thành tựu: là sự thanh tịnh của thân và khẩu (soceyya-paccupaṭṭhānaṃ)
- Nhân cần thiết: là có Tàm và Quý (hiri-ottappapa-daṭṭhānaṃ).

Giới có nhiệm vụ là ngăn chặn những tội lỗi, gìn giữ thân và khẩu không cho diễn tiến theo chiều hướng ác hạnh (duccarita). Sự gìn giữ tâm không cho phát sanh ý ác hạnh (manoduccarita) là nhiệm vụ của sự tu tiến (bhāvanā).

C. Trì Giới Ba La Mật là gì?

Trì Giới Ba La Mật (sīlapāramī) là sự cố ý từ bỏ, kiêng tránh những hành động ác xấu, bất thiện của thân, khẩu và thực hiện những phận sự cần phải hành dựa trên Tâm đại bi (Mahā-karunā) và Trí tuệ thiện sảo (Upāyakosallañāṇa), với nguyện vọng chứng đắc quả vị Phật, đạt đến Niết Bàn, chấm dứt vòng sanh tử luân hồi.

Trì giới Ba la mật có 3 bậc:

1) Trì giới Ba la mật bậc hạ (sīlapāramī) là vị Bồ Tát sẵn sàng hy sinh tài sản vật ngoại thân để gìn giữ, hành trì giới hạnh trong sạch.
2) Trì giới Ba la mật bậc trung (sīla-upapāramī) là vị Bồ Tát sẵn sàng hy sinh tứ chi để gìn giữ, hành trì giới hạnh trong sạch.
3) Trì giới Ba la mật bậc thượng (sīla-paramatthapāramī) là vị Bồ Tát sẵn sàng hy sinh cả mạng sống để gìn giữ, hành trì giới hạnh trong sạch.

## II. PHÂN LOẠI GIỚI:

A. Giới gồm có hai loại: là giới hành (cārittasīla) và giới tránh (vārittasīla).

### 1. Giới hành (cārittasīla) hay còn gọi là tác trì giới.

Giới hành là giới nên thực hành, nghĩa là những bổn phận đạo đức nên thực hành trong mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa thầy và trò, giữa chồng và vợ, giữa chủ và tôi tớ, và giữa tình bạn với nhau…

Trong Kinh Giáo Thọ Thi Ca La Việt (Siṅgalovādasutta), Đức Phật dạy:

Bổn phận Con cái đối với Cha Mẹ có 5 điều:

a) Phụng dưỡng cha mẹ.
b) Làm công việc thay cha mẹ.
c) Gìn giữ gia phong.
d) Khéo quản trị tài sản thừa kế.
e) Tạo phước hồi hướng khi cha mẹ qua đời.

Bổn phận Cha Mẹ đối với Con cái có 5 điều:

a) Ngăn con không làm điều ác.
b) Khuyến khích con làm việc lành.
c) Hướng dẫn nghề nghiệp.
d) Tác thành gia thất.
e) Trao tài sản thừa kế khi thích hợp.

Bổn phận Trò đối với Thầy có 5 điều:

a) Đứng dây vái chào Thầy.
b) Hầu hạ Thầy.
c) Siêng năng học tập.
d) Tự phục vụ Thầy hay đáp ứng khi cần.
e) Chú tâm học hỏi nghề nghiệp.

Bổn phận Thầy đối với Trò có 5 điều:

a) Dạy trò những chuyên môn của mình.
b) Dùng phương pháp dễ hiểu.
c) Dạy cho thuần thục nghề nghiệp (không dấu nghề)
d) Khen ngợi trò với các bạn bè quen thuộc.
e) Đảm bảo nghề nghiệp cho trò về mọi mặt.

Bổn phận Chồng đối với Vợ có 5 điều:

a) Đối xử hòa ái, tôn trọng vợ.
b) Không bạc đãi khinh khi.
c) Một dạ chung thủy.
d) Giao quyền hành nội chính.
e) Mua sắm tư trang cho vợ.

Bổn phận Vợ đối với Chồng có 5 điều:

a) Quán xuyến công việc gia đình.
b) Khéo cư xử tiếp đón bà con hai họ đồng đều.
c) Một lòng tiết hạnh (trung thành với chồng).
d) Khéo gìn giữ tài sản.
e) Khéo léo và nhanh nhẹn trong mọi công việc.

Bổn phận Thiện nam tử đối với Bạn bè có 5 điều:

a) Rộng rãi (Bố thí)
b) Nhã nhặn (Ái ngữ)
c) Quan tâm lợi ích của bạn (Lợi hành)
d) Đồng cam cộng khổ (Đồng sự)
e) Không lường gạt.

Bổn phận Bạn bè đối với Thiện nam tử có 5 điều:

a) Cảnh giác bạn trước những cám giỗ.
b) Giữ hộ tài sản của bạn khi bạn sa ngã.
c) Làm nơi nương tựa khi bạn sa cơ, gặp nguy hiểm.
d) Không bỏ bạn lúc khó khăn.
e) Cư xử tốt với người thân của bạn.

Bổn phận người Chủ đối với người giúp việc (tớ) có 5 điều:

a) Không giao việc quá sức.
b) Trả thù lao tương xứng.
c) Chăm sóc khi đau yếu.
d) Chia sớt các món ngon vật lạ.
e) Thỉnh thoảng cho họ nghỉ phép.

Bổn phận người giúp việc (tớ) đối với người Chủ có 5 điều:

a) Thức trước chủ.
b) Ngủ sau chủ.
c) Không lấy những vật không cho.
d) Siêng năng làm việc.
e) Giữ tiếng tốt cho chủ.

Bổn phận người cư sĩ đối với Sa Môn có 5 điều:

a) Cử chỉ thân thiện.
b) Lời nói thân thiện.
c) Tâm ý thân thiện.
d) Luôn mở rộng cửa đón tiếp.
e) Cúng dường tứ vật dụng cần thiết.

Bổn phận Sa Môn đối với người cư sĩ có 5 điều:

a) Hướng dẫn cư sĩ tránh xa điều ác.
b) Hướng dẫn cư sĩ làm việc lành.
c) Luôn luôn cư xử với tâm từ ái.
d) Giảng giáo lý tường tận.
e) Chỉ đường an vui cho đời sau.

Đối với bậc xuất gia ngoài việc giữ giới luật cần phải kiêng tránh, còn phải thực hành theo giới hạnh cần nên thực hành, đó là 14 phận sự hay pháp hành (kiccavatta) trong đời sống.

14 pháp hành là:

1) Pháp hành của vị khách tăng.
2) Pháp hành sự của vị trụ xứ.
3) Pháp hành của vị sắp đi xa.
4) Pháp hành của vị phúc chúc trai tăng.
5) Pháp hành của vị đến nhà ăn.
6) Pháp hành của vị đi khất thực.
7) Pháp hành của vị ẩn cư trong rừng.
8) Pháp hành của vị ngụ trong liêu thất.
9) Pháp hành ở nơi nhà bếp.

10) Pháp hành nơi nhà xí.
11) Pháp hành đối với Thầy Tế-Độ.
12) Pháp hành của Thầy Tế-độ đối với đệ tử.
13) Pháp hành của học trò đối với thầy giáo thọ.
14) Pháp hành của thầy giáo thọ đối với học trò.

Vị Bồ Tát sống đời tại gia cư sĩ hay sống đời xuất gia luôn thực hành những thiện hạnh tốt đẹp, làm tròn những phận sự của mình đối với những bậc đáng kính trọng, Thầy tổ, cha mẹ, những người thân, bạn bè … và hằng trú trong thiện pháp không một chút dễ duôi.

**2. Giới tránh (vārittasīla) hay còn gọi là chỉ trì giới.**

Giới tránh là giới nên kiêng tránh, nghĩa là sự phát nguyện thọ trì, gìn giữ các học giới, do tác ý kiêng tránh không làm những điều ác xấu bằng thân, khẩu.

Đối với người tại gia cư sĩ, giới nên kiêng tránh (vārittasīla) là phát nguyện thọ trì, gìn giữ Ngũ giới (pañcasīla), Bát quan trai giới (Uposathasīla) và Trì mạng giới (Ājīvaṭṭhamakasīla).

Đối với bậc xuất gia, Sadi hay Sadini phát nguyện thọ trì, gìn giữ 10 giới (dasasīla) 75 điều ưng học pháp (sekhiya0. Tỳ kheo, Tỳ kheo ni phát nguyện thọ trì, gìn giữ Giới Bổn Pāṭimokkha (Ba la đề mộc xoa).

B. Giới (sīla) có 4 loại:

1. Giới Tỳ Kheo (bhikkhusīlaṃ): gồm có 227 điều học.
   - 4 Bất cộng trụ (Pārājika).
   - 13 Tăng tàng (Saṅghādisesa).
   - 2 Bất định (Aniyata).
   - 30 Ưng xả đối trị (Nissaggiya Pācittiya)
   - 92 Ưng đối trị (Pācittiya).
   - 4 Ưng phát lộ (Pāṭidesanīya).
   - 75 Ưng học pháp (Sekhiyā dhammā).
   - 7 Pháp dàn xếp tranh tụng hay Diệt tranh (Adhikaraṇasamathādhammā).

2. Giới Tỳ kheo ni (bhikkhunīsīlaṃ): gồm có 311 điều học.
   - 8 Bất cộng trụ (Pārājika).

- 17 Tăng tàng (Saṅghādisesa).
- 30 Ưng xả đối trị (Nissaggiya Pācittiya).
- 166 Ưng đối trị (Pācittiya).
- 8 Ưng phát lộ (Pāṭidesanīya).
- 75 Ưng học (Sekhiya).
- 7 pháp dàn xếp tranh tụng hay Diệt tranh (Adhikaraṇasamathā Dhammā)

3. Giới của người chưa thọ cụ túc (anupasampannasīlaṃ), là những học giới Sa di (Sāmaṇerasīla) và học giới Sa di ni (Sāmaṇerīsīla): gồm có 10 điều học (sikkhāpada), 10 điều hành phạt (daṇḍakamma), 10 điều trục xuất (nāsanaṅga) và 75 điều ưng học pháp (sekhiyadhamma).

Mười học giới (sikkhāpada) của Sa di (Sāmaṇera) và Sa di ni (Sāmaṇerī)

1) Tránh xa sự sát sanh (pāṇātipātā veramaṇī).
2) Tránh xa sự trộm cắp (adinnādānā veramaṇī).
3) Tránh xa sự hành dâm (abrahmacariyā vera-maṇī).
4) Tránh xa sự nói dối (musāvādā veramaṇī).
5) Tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say (surāmerayamajjappamā-daṭṭhānā veramaṇī).
6) Tránh xa sự ăn phi thời (vikālabhojanā veramaṇī).
7) Tránh xa sự múa hát, đờn kèn, xem múa hát, nghe đờn kèn (nacca-gītavāditavisūkadassanā veramaṇī).
8) Tránh xa sự trang điểm, thoa xức hương liệu, đeo tràng hoa (mālāgandhavile-paṇadhāraṇamaṇḍaṇavibhūsanaṭṭhānā veramaṇī).
9) Tránh xa sự nằm ngồi chỗ cao rộng (uccāsayanamahāsayaṇā veramaṇī).
10) Tránh xa sự thọ nhận vàng và bạc (jātarūparajatappaṭiggahanā veramaṇī).

4. Giới tại gia (gahaṭṭhasīlaṃ):

Giới tại gia gồm có Ngũ giới (5 điều học), Bát quan trai giới (8 điều học) và Trì mạng giới (Ājīvaṭṭhamakasīla).

**a) Ngũ giới (pañcasīla):**

1. Cố ý tránh xa sự sát sanh (pāṇātipātā veramaṇī).
2. Cố ý tránh xa sự trộm-cắp (adinnādānā veramaṇī).

3. Cố ý tránh xa sự tà-dâm (Kamesu-micchācārā veramaṇī).
4. Cố tránh xa sự nói-dối (musāvādā veramaṇī).
5. Cố ý tránh xa sự dễ duôi uống rượu và các chất say (Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇī)

Ngũ giới (pañcasīla) được thọ trì thường xuyên gọi là thường giới (niccasīla), người tại gia cư sĩ đều phải giữ gìn ngũ giới được trong sạch và trọn vẹn để ngăn trừ thân ác nghiệp và khẩu ác nghiệp và tạo thiện nghiệp, đem lại sự lợi ích, sự an lạc trong kiếp hiện tại và kiếp vị lai không bị sanh vào bốn khổ cảnh, được sanh lên cảnh giới an vui, cõi người và cõi trời và tạo duyên lành đưa đến giác ngộ Đạo Quả giải thoát.

**b) Bát-quan trai giới (Uposathasīla):**

1. Cố ý tránh xa sự sát sanh (pāṇātipātā veramaṇī).
2. Cố ý tránh xa sự trộm cắp (adinnādānā veramaṇī).
3. Cố ý tránh xa sự hành dâm (abrahmacariyā veramaṇī).
4. Cố tránh xa sự nói dối (musāvādā veramaṇī).
5. Cố ý tránh xa sự dế duôi uống rượu và các chất say (Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇī)
6. Cố ý tránh xa sự ăn phi thời (vikālabhojanā veramaṇī)
7. Cố ý tránh xa sự múa hát, thổi kèn đờn, xem múa hát nghe đờn kèn, trang điểm thoa vật thơm, dồi phấn và đeo tràng hoa (Nacca-gīta-vādita-visūkadassana-mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā veramaṇī).
8. Cố ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp (Uccāsayana mahāsayanā veramaṇī)

Người tại gia cư sĩ thọ trì Bát quan trai giới (Uposathasīla) trong mỗi tháng có 4 ngày, hoặc 6 ngày, hoặc 8 ngày, hoặc 20 ngày.

- Mỗi tháng thọ trì Bát quan trai giới (uposathasīla) 4 ngày, đó là ngày 8, 15, 23, 30 (tháng thiếu thì ngày 29).
- Mỗi tháng thọ trì Bát quan trai giới (uposathasīla) 6 ngày, đó là ngày 8, 14, 15, 23, 29 và 30 (tháng thiếu thì ngày 28 và 29).
- Mỗi tháng thọ trì Bát quan trai giới (Uposathasīla) 8 ngày, đó là ngày 5, 8, 14, 15, 20, 23, 29 và 30 (tháng thiếu thì ngày 28 và 29).

- Mỗi tháng thọ trì Bát quan trai giới (Uposathasīla) 20 ngày hoặc 19 ngày (kể thêm ngày đón rước trước 1 ngày và ngày tiễn đưa sau 1 ngày). Trong mỗi tháng thọ trì Bát quan trai giới có 20 ngày như sau: (4) + 5 + (6), (7) + 8 + (9), (13) + 14 + 15 + (16), (19) + 20 + (21), (22) + 23 + (24), (28) + 29 + 30 + (1) tháng đủ (tháng thiếu thì vào ngày (27) + 28 + 29 + (1).

Lợi ích của sự thực hành Bát quan trai giới, trong Tăng Chi Kinh, Chương tám Pháp, Phẩm Ngày Trai Giới, Đức Phật dạy:

Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần, được thực hành thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn; có biến mãn lớn. Đến như thế nào là quả lớn? Đến như thế nào là lợi ích lớn? Đến như thế nào là rực rỡ lớn? Đến như thế nào là biến mãn lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh… từ bỏ lấy của không cho, không có trộm cướp… từ bỏ dâm dục hèn hạ… từ bỏ nói láo… từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu… từ bỏ ăn phi thời… từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc diễn kịch, không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang… từ bỏ không dùng các giường cao, giường lớn. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh… từ bỏ không dùng các giường cao, giường lớn. Với 8 chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành trai giới.

Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần, được thực hành thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn; có biến mãn lớn. Đến như thế nào là quả lớn? Đến như thế nào là lợi ích lớn? Đến như thế nào là rực rỡ lớn? Đến như thế nào là biến mãn lớn?

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người áp đặt chủ quyền cai trị trên mười sáu quốc độ lớn này tràn đầy bảy báu, như Aṅga, Magadha, Kāsīkosala, Vajjī, Cetī, Vaṃsā, Kurū, Pañcālā, Macchā, Sūrasenā, Assaka, Avantī, Gandhārā, Kambojā. Nhưng chủ quyền ấy không bằng một phần mười sáu của một ngày trai giới thành tựu tám chi phần. Vì cớ sao? Nhỏ nhoi, này các Tỷ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên.

Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cọng trú với chư Thiên Bốn thiên vương, chư Thiên cõi trời Ba mươi ba, chư Thiên cõi trời Yàma, chư Thiên cõi trời Tusità (Đâu Suất), chư Thiên cõi trời Hóa lạc, chư Thiên cõi trời Tha hóa Tự tại. Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên ".

c) **Trì mạng giới (Ājīvaṭṭhamakasīla)**.

Trì mạng giới hay Chánh Mạng đệ bát giới (ājīvaṭṭhamakasīla) trong sớ giải Thanh Tịnh Đạo gọi là giới khởi đầu con đường phạm hạnh (Ādibrahmacariyakasīla), ám chỉ Trì mạng giới là nền tảng làm cho thành tựu thiền định và Đạo Quả.

Trì Mạng Giới là tám giới mà có giới chánh mạng là thứ tám, là giới chung của tất cả người tại gia và những bậc xuất-gia, đặc biệt là giới của các hành giả thực hành thiền định và thiền tuệ. Trì Mạng Giới là tránh xa ba thân ác hạnh (kāyaduccarita), bốn khẩu ác hạnh (vacīduccarita) và tà mạng (micchā-ājīva).

Trì Mạng Giới có 8 điều là:

1. Tránh xa sự sát sinh.
2. Tránh xa sự trộm cắp.
3. Tránh xa sự tà dâm.
4. Tránh xa sự nói dối.
5. Tránh xa sự nói đâm thọc.
6. Tránh xa sự nói lời độc ác.
7. Tránh xa sự nói lời vô ích.
8. Tránh xa cách sống tà mạng, sống chánh mạng.

Tám giới này là ba chi phần trong bát chánh đạo, đó là Chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Ba chi phần này thuộc về phần Giới trong Bát chánh đạo (Giới - Định - Tuệ).

Người thọ trì Trì Mạng Giới (ājīvaṭṭhamakasīla) gìn giữ cho trong sạch và trọn vẹn thì ngay trong kiếp hiện tại được an lạc, và quả báu của bát giới này rất

lớn, được thành tựu quả báu trong cõi người, cõi trời và thành tựu chứng ngộ Niết Bàn.

C. Giới có 4 loại khác nữa là Tứ thanh tịnh giới (Catuparisuddhisīla)

Tứ thanh tịnh giới làm bước tiến tu tập Định và Tuệ, được kể vào Giới tịnh (sīlavisuddhi). Bốn thứ thanh tịnh giới đó là:

a) Biệt giải thoát thu thúc giới (Pāṭimokkhasaṃvarasīla)
b) Lục căn thu thúc giới (Indriyasaṃvarasīla)
c) Chánh mạng thanh tịnh giới (Ājīvapārisuddhisīla)
d) Quán tưởng thọ vật dụng giới (Paccayasannissitasīla)

## 1. Biệt giải thoát thu thúc giới (Pāṭimokkhasaṃvarasīla)

Biệt giải thoát thu thúc giới là các điều học trong giới bổn Ba la-đề-mộc-xoa mà đức Phật đã chế định cho hàng Tỳ kheo và Tỳ kheo ni. Hàng Tỳ kheo và Tỳ kheo ni tuân thủ thực hành, gìn giữ các điều học trong giới bổn Ba-la-đề-mộc-xoa không vi phạm điều học.

Biệt giải thoát giới là những học giới giúp cho người thọ trì thoát khỏi bốn khổ cảnh hay bốn đọa xứ (apāya): Địa ngục (niraya), Ngạ quỷ (peta), Súc sanh (tiracchāna), A-tu-la (asura). Biệt giải thoát thu thúc giới được thực hành bằng đức tin (saddhāya pāṭimokkhasaṃvaro sampādetabbo) (Vsm).

### 1) Lục căn thu thúc giới (Indriyasaṃvarasīla)

Lục căn thu thúc giới là sự phòng hộ, hộ trì, chế ngự nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn. Khi sáu căn tiếp xúc sáu cảnh (sắc, thanh, khí, vị, xúc, pháp) có sự phòng hộ, chế ngự không để sanh khởi phiền não tham, sân, si.

Đức Phật dạy trong Bộ Kinh Tương Ưng, chương 35 Tương Ưng Sáu Xứ, phẩm Rắn Độc về sự thu thúc, hộ trì các căn như sau:

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự những nguyên

nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng … mũi ngửi hương … lưỡi nếm vị … thân cảm xúc … ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành hộ trì ý căn.

Lục căn thu thúc giới gọi là Giới thanh tịnh do phòng hộ (saṃvarasuddhi nāma indriyasaṃvarasīlaṃ). Bởi nhờ có chánh niệm phòng hộ mắt khi thấy cảnh sắc v.v... nên sáu căn được thanh tịnh không bị phiền não khởi lên làm ô nhiễm.

Lục căn thu thúc giới cần được thực hành bằng chánh niệm (satiyā indriyasaṃvaro sampādetabbo) (Vsm)

## 2) Chánh mạng thanh tịnh giới (Ājīvapārisuddhisīla)

Chánh mạng thanh tịnh giới là sự nuôi mạng chân chánh, còn gọi là tinh tấn thu thúc giới (viriyasaṃvarasīla). Nghĩa là tinh tấn dứt bỏ cách nuôi mạng tà vạy nơi thân, khẩu và tinh tấn trong sự nuôi mạng chân chánh.

Đối với người cư sĩ tại gia thì xa lìa 5 nghề nuôi mạng bất chánh là:

1. Satthavaṇijjā: Buôn bán vũ khí, như gươm, đao, súng, đạn... dùng để sát hại chúng sanh khác.
2. Sattavaṇijjā: Buôn bán chúng sanh, người hoặc thú.
3. Maṃsavaṇijjā: Buôn bán thịt.
4. Majjavaṇijjā: Buôn bán chất say, như rượu, bia, ma túy...
5. Visavaṇijjā: Buôn bán thuốc độc.

Đối với bậc xuất gia, sự nuôi mạng chân chánh là cố gắng xa lánh 5 ác pháp (pāpadhamma) và 21 điều tà mạng (asesana).

a) Năm ác pháp thuộc tà mạng:

Lừa bịp (kuhanā), nịnh bợ (lapanā), nói ướm (nemittikatā), công kích hay nói hăm dọa (nippesikatā), lấy lợi câu lợi (lābhena lābhaṃ nijigiṃsanatā).

b) 21 điều tà mạng (asesana) là:

1. Veḷudānaṃ: cho tre
2. Pattadānaṃ: cho lá cây (như lá chuối v.v…).

3. Pupphadānaṃ: cho bông hoa
4. Phaladānaṃ: cho trái cây.
5. Dantakaṭṭhadānaṃ: cho cây đánh răng.
6. Mukh'odakadānaṃ: cho nước rửa mặt.
7. Sināṇadānaṃ: cho vật để tắm gội.
8. Cuṇṇadānaṃ: cho vật thoa mình (như phấn sáp v.v…).
9. Mattikadānaṃ: cho đất sét (để thoa mình khi vào nhà khói để hơ hoặc để trét vách).
10. Cāṭukamyatā: giả bộ hạ mình kiêng nể người.
11. Muggasūpatā: nói khi thiệt khi giả.
12. Pāribhaṭyatā: giúp đỡ người (là ẵm bồng con, cháu người làm như cha mẹ của đứa trẻ ấy).
13. Jaṅghapesanikaṃ: tiếp làm công việc cho người đủ thứ, công việc chi của người thế cũng lãnh làm hết thảy, hoặc đem tin tức thơ từ cho người.
14. Vejjakammaṃ: làm thầy thuốc chữa bịnh cho người.
15. Dūtakammaṃ: đem tin cho người, như đem tin từ nhà này đến nhà kia, trừ ra đem tin cho năm hạng đồng đạo và cha mẹ, giới tử sắp vào tu và người giúp phụ sự cho mình.
16. Pahiṇagamanaṃ: lãnh làm tay sai cho người (ngoài sự đem tin tức) như người thế họ sai đem vật này đến chỗ kia hoặc đem vật ở chỗ kia đem về chỗ này.
17. Piṇḍappaṭipiṇḍikaṃ: đem vật thực đi bát cho người thế ăn trước, rồi đi bát sau mới ăn; trừ ra những hạng người Đức Phật cho phép như cha mẹ, vua chúa, tướng cướp, người hầu, chư tăng, người sắp tu.
18. Dān'ūpadānaṃ: cho qua cho lại; như thí chủ họ dâng cúng cho mình món chi, mình cho lại một món bằng hay hơn giá món ấy để mua lòng họ sẽ cúng dường mình lâu dài.
19. Vatthuvijjā: làm thầy coi địa lý, như vị Tỳ kheo biết coi địa lý phong thủy nói chỗ này nên cất nhà, chỗ này không nên…
20. Nakkhatta vijjā: làm thầy xem thiên văn như coi ngày tháng, sao hạng, tốt hay xấu, có lợi hoặc có hại …
21. Aṅga vijjā: coi tướng, coi tay, như coi tướng nam, nữ có nhiều của cải hoặc phước đức v.v… hoặc xem tướng ngọc ngà, voi ngựa, gươm giáo, v.v…

Chư vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni đều phải xa lánh 21 pháp tà mạng này và phải tinh tấn đi khất thực xin ăn, hoặc nguyện các pháp đầu đà, hoặc vật thực phát sanh lên do đức hạnh thanh cao của mình, hoặc do chư tăng thì đều gọi là vật dụng trong sạch cả. Chánh mạng thanh tịnh giới được thực hành bằng tinh tấn (viriyena ājīvapārisuddhi sampādetabbā). (Vsm. 49)

**3) Quán tưởng thọ vật dụng giới (Paccayasannissitasīla)**

a) Quán tưởng nguyên chất của Tứ vật dụng trước khi thọ dụng:

Quán tưởng để thấy rằng: "bốn món vật dụng này chỉ là nguyên chất (đất, nước, lửa, gió), dù có dùng hay không dùng, chúng cũng chỉ là tứ đại, không phải là chúng sanh, không phải là vật có sinh mạng". Nhờ quán tưởng như vậy, vị Tỳ kheo- Tỳ kheo ni thấy rõ bản chất của tứ vật dụng chỉ đơn thuần là tứ đại, nhờ đó ngăn chận được phiền não tham, sân, si.

b) Quán tưởng tánh uế trược trước khi thọ dụng:

Quán tưởng rằng: "Bốn món vật dụng này không phải là vật uế trược, nhưng khi chạm vào thân này thì trở thành uế trược". Nhờ quán tưởng như thế, loại trừ được ảo tưởng "thân này trong sạch", thấy rõ thân này là uế trược, bất tịnh thì không còn thích thú, tham ái xác thân này nữa.

c) Quán tưởng Tứ vật dụng trong khi thọ dụng:

Quán tưởng y phục: Ta mặc y phục đây là để ngăn ngừa lạnh, nóng, gió, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, và các loài bò sát làm hại cơ thể và y phục này dùng để che thân, tránh điều hổ thẹn.

Quán tưởng vật thực: Ta dùng vật thực để duy trì xác thân, nhằm mục đích thực hành phạm hạnh, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để lợi dưỡng, hoặc để trang điểm thân thể cho xinh đẹp…

Quán tưởng trú xứ: "Ta thọ dụng chỗ trú ngụ đây để ngăn ngừa sự lạnh, nóng, muỗi mòng, gió, nắng... tránh khó chịu của thời tiết và được nơi yên tịnh để tu tập sa môn pháp.

Quán tưởng dược phẩm: "Ta thọ dụng thuốc trị bịnh này để ngăn ngừa những sự khổ đã phát sanh và cho được dứt khỏi những đau khổ ấy".

d) Quán tưởng tứ vật dụng sau khi thọ dụng:

Cách quán tưởng tương tự như trong khi đang thọ dụng, chỉ khác là "đã thọ dụng".

Sự quán tưởng thọ dụng đối với bốn món vật dụng, giúp tâm không rơi vào tham đắm tứ vật dụng. Nếu trước hay trong khi thọ dụng bốn món vật dụng chưa quán tưởng thì sẽ bổ khuyết bằng cách quán tưởng "sau khi thọ dụng", nhưng chỉ có hiệu lực trước khi mặt trời mọc, nếu khi mặt trời mọc chưa quán tưởng xem như "thiếu nợ".

Vị Tỳ-kheo, Tỳ kheo ni khi thọ dụng bốn vật dụng trong đời sống phải khéo quán xét cho thấy rõ mục đích thọ dụng để chế ngự lòng tham muốn. Do đó, trong Thanh Tịnh Đạo nói, giới liên hệ vật dụng cần được thực hành bằng trí tuệ (paccayasannissitasīlaṃ paññāya sampādetabbaṃ).

Các Giáo thọ Sư có nói rằng: Có bốn cách thọ dụng tứ sự:

- Thọ dụng như kẻ trộm: Là sa môn không có giới hạnh (ác giới) thọ dụng bốn món vật dụng, cho dù có ngồi chung với Tăng chúng, gọi là dùng như kẻ trộm.
- Thọ dụng như người mang nợ: Là bậc sa môn có giới hạnh, nhưng thọ dụng bốn món vật dụng mà không quán tưởng.
- Thọ dụng như người thừa hưởng gia sản của cha: Là sự thọ dụng tứ sự của bậc Thánh hữu học.
- Thọ dụng như người chủ: Là sự thọ dụng tứ sự của bậc Alahán.

Ngoài những bổn phận cần thực hành, vị Bồ Tát còn phải cố gắng tránh xa những điều không nên làm (vārittasīla), đó là gìn giữ giới luật mà mình đã phát nguyện thọ trì, và tận lực làm tất cả những điều thiện mà mình có thể làm.

Để giữ tròn giới hạnh, không những vị Bồ Tát có khi phải hy sinh tài sản, sự nghiệp, hy sinh tứ chi mà cũng có trường hợp phải hy sinh cả tánh mạng.

## II. LỢI ÍCH CỦA GIỮ GIỚI:

Lợi ích của giới là đem lại sự an lạc, do bất hối. Như trong kinh Tăng Chi, đức Phật đã nói: "Giới có lợi ích là bất hối", không ray rứt lương tâm (A. V, 1)

Lại nữa, Giới còn có lợi ích đặc biệt là duyên khởi của sự chứng ngộ Níp-bàn. Như trong Luật Phụ Lục, Đức Phật đã thuyết:

"Giới luật có lợi ích là thu thúc, thu thúc có lợi ích là bất hối, bất hối có lợi ích là hân hoan, hân hoan có lợi ích là hỷ, hỷ có lợi ích là khinh an, khinh an có lợi ích là lạc, lạc có lợi ích là định, định có lợi ích là tri kiến như thật, tri kiến như thật có lợi ích là yếm ly, yếm ly có lợi ích là ly tham, ly tham có lợi ích là giải thoát, giải thoát có lợi ích là giải thoát tri kiến, giải thoát tri kiến có lợi ích là vô thủ trước níp-bàn" (Vin. VIII, 164). Như vậy, lợi ích của giới là duyên khởi để chứng đạt Níp-bàn.

Giới có 5 lợi ích khác nữa:

Trong kinh Đại Bát-Níp-Bàn (Mahāparinibbānasutta), kinh số 16, Trường Bộ Kinh, Đức Phật thuyết cho các cư sĩ ở Pāṭaligāma về năm lợi ích cho người giữ giới:

Này các Gia chủ có năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Thế nào là năm?

1. Ở đây, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ có tiền của dồi dào rất nhiều vì sống không phóng dật.
2. Người giữ giới, sống theo giới luật được tiếng tốt đồn xa.
3. Người giữ giới, sống theo giới luật khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Lỵ, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần không sợ hãi, không bối rối.
4. Người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm không rối loạn.
5. Người giữ giới, sống theo giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh vào thiện thú, thiên giới.

Đó là năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Trong quyển Nền Tảng Phật Giáo do Ngài Hộ Tông biên soạn, Ngài giải thích những điều lợi ích của giới như sau:

Trì Giới Ba La mật nên quán xét những điều sau đây để giúp cho sự trì giới được thanh tịnh.

- Malavisodhanaṃ: giới là điều giặt rửa sự dơ bẩn của sân.
- Parilāhavusamanaṃ: giới là điều dập tắt sự nóng nảy của tham, sân.
- Sucigandhavāyanaṃ: giới là điều làm cho mùi thơm bay đi, hương của giới lan tỏa tất cả các hướng và luôn luôn ở khắp nơi.

Pháp cú kinh câu 54, Đức Phật dạy:

> Hương các loài hoa thơm.
>
> Không bay ngược chiều gió.
>
> Nhưng hương người đức hạnh.
>
> Ngược gió khắp tung bay.
>
> Chỉ có bậc chân nhân.
>
> Hương tỏa mọi phương trời.”

- Sagganibbānādhigamupāyaṃ: giới là phương tiện thành tựu cõi trời và niết-bàn, là nền tảng giác ngộ cho các vị Thánh Alahán, Đức Phật Độc giác và Đức Phật Chánh Đẳng giác.
- Sobhālaṅkārapasādhanaṃ: giới là vật trang sức tốt đẹp, hơn cả những đồ trang sức của người thường như vòng cổ, vương miện…
- Bhayavidhamanaṃ: giới là điều trừ khử sự lo sợ, người có giới không lo sợ bị tự chỉ trích, cũng không sợ bị bậc trí chỉ trích.
- Kittijananaṃ: giới là điều làm cho có danh tiếng.
- Pāmojjaṃ: giới là điều làm cho tâm vui thích…

Khi quán xét như vậy với nhiều phẩm chất cao thượng của giới, sự thành tựu giới chưa thực hiện sẽ được thực hiện và giới chưa trong sạch sẽ được làm cho trong sạch.

## III. SỰ Ô NHIỄM CỦA GIỚI (Sīlasaṅkilesa)

Nói đến sự ô nhiễm của giới, cần nêu rõ hai vấn đề là tình trạng giới ô nhiễm và nguyên nhân giới ô nhiễm.

a) Tình trạng giới ô nhiễm:

- Giới hành trì do tham vọng và tà kiến, gọi là giới lệ thuộc (nissitasīla). Giới lệ thuộc là giới ô nhiễm.
- Giới có thể vi phạm do lợi lộc, danh xưng, quyến thuộc, chi thể, mạng sống, gọi là giới hạn chế (sapariyantasīla). Giới hạn chế là giới ô nhiễm.
- Giới thọ trì vì mục đích danh lợi, vì động cơ tham ái, vì mong cầu sự tái sanh… gọi là giới ti hạ (hīnasīla). Giới ti hạ là giới ô nhiễm.
- Giới hệ lụy tà tâm, gọi là giới bị bể vụn, khuyết phạm, nhiễm ô, tỳ vết (khaṇḍādibhāvasīla). Giới bị bể vụn v.v… là giới ô nhiễm.

b) Nguyên nhân làm giới ô nhiễm:

- Giới bị ô nhiễm do vi phạm và đã phạm không sám hối.
- Giới bị ô nhiễm do hành trì với mục đích danh tiếng lợi lộc.
- Giới bị ô nhiễm do khởi lên những ác pháp như sân hận, oán thù, gièm pha, não hại, ganh tị, bỏn xẻn, xảo trá, khoe khoang, ương ngạnh, tranh chấp, ngã mạn, quá mạn, dể duôi…
- Giới bị ô nhiễm do tâm bị chi phối bởi bảy hệ lụy của dục vọng.
- Giới bị ô nhiễm do sống không tàm, không quý.

## IV. SỰ TRONG SẠCH CỦA GIỚI (Sīlavodāna)

- Giới trong sạch là giới không lệ thuộc (asannissitasīla), tức là giới hành trì không do tham ái và tà kiến.
- Giới trong sạch là giới không bị hạn chế (apariyantasīla), tức là giới không vi phạm vì lợi lộc, danh xưng v.v...
- Giới trong sạch là giới đã được sám hối khi lỡ vi phạm.
- Giới trong sạch là giới không bị chi phối bởi bảy hệ lụy của dục vọng.
- Giới trong sạch là giới không bị hỏng vì những ác pháp như sân hận, oán thù, gièm pha, não hại, ganh tỵ, bỏn xẻn, xảo trá, khoe khoang, ương ngạnh, tranh chấp, ngã mạn, quá mạn, dể duôi...

- Giới trong sạch là giới không bị nhiễm ô và có khả năng đưa đến chứng thiền định đạo quả, được người trí như đức Phật tán thán.

Tóm lại, Trì giới là sự thu thúc gìn giữ giới luật trong sạch, là pháp khởi đầu của tất cả các pháp Ba-la-mật. Trì giới là nền tảng cho các thiện pháp, thiền định và đạt đến sự giác ngộ. Trì giới với tâm trong sạch, không tham muốn, dính mắc bất kỳ hình thức nào, chỉ mong đạt đến sự giác ngộ Niết Bàn thì sự trì giới như vậy được gọi là trì giới ba la mật (sīlapāramī).

Thiện nhân giới hạnh nghiêm trì,
Nói làm suy nghĩ luôn khi giữ gìn,
Nuôi ý lực, dưỡng tâm lành,
Cắt dây kiết phược, phá thành mê si.
Hy sinh ngoại vật tứ chi
Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân
Phật xưa pháp độ vẹn toàn
Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.

Ghi chú:

Bảy hệ lụy của dục vọng:

1) Thích thú với sự vuốt ve, xoa bóp và chà xát của người nữ.
2) Thích thú nói đùa và cười với người nữ.
3) Thích thú nhìn chằm chằm vào mắt người nữ.
4) Thích thú nghe người nữ cười, hát, khóc từ bên kia tường.
5) Thích thú gợi lại những lạc quá khứ mà vị ấy đã từng có với một số người nữ.
6) Thích thú xem ai đó hưởng cảnh lạc và nắm giữ cảnh dục lạc đó.
7) Sống một cuộc sống cao thượng với mong mỏi chứng đắc được pháp cao quý.